

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

## BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số & Lý thuyết số

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Tuấn Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 10/06/1965; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Phong hóa, huyện Tuyên hóa, tỉnh Quảng bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 15B/58 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Toán – Tin học, ĐHSP Tp. HCM, 280 An Dương Vương, Q5, Tp. HCM

Điện thoại nhà riêng: 0907994279; Điện thoại di động: 0907994279;

E-mail: namtt@hcmue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 08,1987 đến tháng, năm 08,1991: Giáo viên tại Giáo viên trường Phổ thông Trung học Hiệp đức

Từ tháng, năm 08,1991 đến tháng, năm 08,2004: Phó ban khoa học Tự nhiên, phó chủ tịch hội đồng khoa học trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha trang tại Giảng viên trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha trang

Từ tháng, năm 08,2004 đến tháng, năm 08,2021: Giảng viên cao cấp tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cao cấp; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên cao cấp

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 280 An Dương Vương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 02838352020

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 24 tháng 07 năm 1987, số văn bằng: A31586, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Huế, Việt nam
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 31 tháng 01 năm 1996, số văn bằng: 964, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số & Lý thuyết số; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Huế, Việt nam
- Được cấp bằng TS [5] ngày 31 tháng 12 năm 2001, số văn bằng: 01117, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số & Lý thuyết số; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Toán học Hà nội, Việt nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2011, ngành: Toán học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đối đồng điều địa phương
- Đồng điều địa phương

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 2 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 32 bài báo khoa học, trong đó 32 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| TT | Tên khen thưởng                                                    | Cấp khen thưởng       | Năm khen thưởng |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|
| 1  | Bằng khen của Bộ Giáo dục & Đào tạo số 4127/GD-ĐT, ngày 05/08/2003 | Bộ Giáo dục & Đào tạo | 2003            |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết

định):

| TT       | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|-------------------|
| Không có |             |                   |               |                   |

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

*Bản thân tôi luôn giữ vững phẩm chất tốt của một người công dân, có tác phong mẫu mực, sự phạm của một người thầy giáo, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Nhà nước, các quy định của ngành Giáo dục và của Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh đề ra. Tôi luôn nhiệt huyết, tận tâm với nghề dạy học. Ngay từ khi mới bắt đầu dạy học, tôi đã tình nguyện lên công tác tại một Trường mới thành lập ở một huyện miền núi vùng cao hẻo lánh Hiệp Đức (tỉnh Quảng nam) từ năm 1987 đến năm 1991. Do khí hậu vùng cao khắc nghiệt, tôi đã bị bệnh nặng và sau đó được chuyển về công tác tại Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha trang, chuyên giảng dạy con em dân tộc ít người từ năm 1991 đến năm 2004. Trong thời gian này, tôi luôn phấn đấu học hỏi nâng cao năng lực của người thầy giáo, say mê nghiên cứu khoa học và đã được cấp Bằng Tiến sĩ Toán học năm 2001.*

*Năm 2004 tôi được Bộ Giáo dục & Đào tạo ra quyết định vào giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 08/2004 tôi được Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cử đi thực tập nghiên cứu sau Tiến sĩ thời hạn 01 năm tại Khoa Toán thuộc Trung tâm Quốc tế về Vật lý lý thuyết Abdus Salam, Italia (ICTP) (nơi này sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để làm việc). Do thành tích nghiên cứu tốt nên tôi được phép gia hạn thêm 01 năm nữa. Tháng 08/2006 tôi trở lại Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh tiếp tục công tác. Năm 2011 tôi đã được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận đủ tiêu chuẩn Phó giáo sư và năm 2012 được Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư.*

*Tôi đã có 17 năm giảng dạy Đại học và Sau đại học, tham gia hướng dẫn nhiều luận văn Thạc sĩ, hướng dẫn chính 02 nghiên cứu sinh đã được cấp bằng Tiến sĩ, 01 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công cấp cơ sở và 02 nghiên cứu sinh đang làm luận án. Tôi đã chủ trì và bảo vệ thành công nhiều đề tài cấp Trường, 02 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Nhà nước do Quỹ phát triển khoa học & công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ. Tôi đã chủ biên 03 cuốn giáo trình được Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh dùng làm tài liệu giảng dạy. Về giảng dạy, tôi luôn truyền thụ kiến thức một cách nhiệt tình, sự phạm, đảm bảo giảng dạy đạt và vượt số giờ chuẩn quy định. Bên cạnh đó tôi cũng tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học và Thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng.*

*Tôi đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo tặng Bằng khen và Huy chương về sự nghiệp Giáo dục.*

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|----------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SĐH |                                                                |
| 1               | 2015-2016 | 1                         |     | 2                                  |                                         | 480                                       | 90  | 570/775/230                                                    |
| 2               | 2016-2017 | 1                         |     | 4                                  | 2                                       | 420                                       | 135 | 555/926/230                                                    |
| 3               | 2017-2018 | 3                         |     |                                    | 1                                       | 480                                       | 135 | 615/851/230                                                    |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                                |
| 4               | 2018-2019 | 3                         |     | 1                                  | 2                                       | 300                                       | 90  | 390/545/230                                                    |
| 5               | 2019-2020 | 3                         |     | 3                                  |                                         | 420                                       | 180 | 600/832/230                                                    |
| 6               | 2020-2021 | 3                         |     | 5                                  |                                         | 480                                       | 135 | 615/866/230                                                    |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Thực tập sinh sau tiến sĩ (Post-doctor) tại Khoa toán, thuộc Trung tâm Quốc tế về Vật lý Lý thuyết Abdus Salam (ICTP), tại Trieste, Italy từ 08/2004 đến 08/2006 (sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Trình độ C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc HVCH/<br>CK2/ BSNT | Đối tượng |                       | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn từ<br>... đến ... | Cơ sở<br>đào<br>tạo                                                                  | Ngày,<br>tháng,<br>năm được<br>cấp<br>bằng/có<br>quyết<br>định cấp<br>bằng |
|----|---------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------|-----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|    |                                       | NCS       | HVCH/<br>CK2/<br>BSNT | Chính                    | Phụ |                                          |                                                                                      |                                                                            |
| 1  | Nguyễn Minh<br>Trí                    | X         |                       | X                        |     | 10/2013 đến<br>10/2016                   | Trường<br>Đại<br>học<br>khoa<br>học tự<br>nhiên<br>Thành<br>phố<br>Hồ<br>Chí<br>Minh | 04/05/2018                                                                 |

|   |                  |   |  |   |  |                        |                                                                                      |            |
|---|------------------|---|--|---|--|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 2 | Nguyễn Thành Nam | X |  | X |  | 05/2017 đến<br>05/2020 | Trường<br>Đại<br>học<br>khoa<br>học tự<br>nhiên<br>Thành<br>phố<br>Hồ<br>Chí<br>Minh | 19/07/2021 |
|---|------------------|---|--|---|--|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------|

*Ghi chú:* Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT                            | Tên sách                                                 | Loại sách<br>(CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                                      | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)                |
|-------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                          |                               |                                                                                   |            |          |                                         |                                                                           |
| 1                             | Một số ứng dụng của Đại số hiện đại vào giải toán sơ cấp | GT                            | Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (Tái bản 2015, 2016), năm 2014 | 3          | CB       | (Chương 1, Chương 2)                    | Quyết định phê duyệt giáo trình Số: 1635/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 7 năm 2013 |



|                               |                                                                                                                            |    |                              |                           |                                        |
|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|
| 1                             | Tính hữu hạn của Idêan nguyên tố đối kết hợp của môđun đồng điều địa phương và đồng điều địa phương suy rộng               | CN | B2008.19.41, cấp Bộ          | 07/04/2008 đến 07/04/2010 | Ngày nghiệm thu 24/8/2009<br>Loại Tốt  |
| 2                             | Đồng điều địa phương suy rộng cho môđun compắc tuyến tính                                                                  | CN | B2010.19.59, cấp Bộ          | 05/04/2010 đến 05/04/2012 | Ngày nghiệm thu 14/06/2011<br>Loại Tốt |
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                                                                                            |    |                              |                           |                                        |
| 3                             | Môđun compắc tuyến tính và Đồng điều địa phương                                                                            | CN | 101.01-2011.24, cấp Nhà nước | 01/12/2011 đến 01/12/2013 | Ngày nghiệm thu 12/01/2014<br>Đạt      |
| 4                             | Các hàm tử đồng điều địa phương và đối đồng điều địa phương suy rộng trên phạm trù các môđun compắc tuyến tính và ứng dụng | CN | 101.04-2015.22, cấp Nhà nước | 01/05/2016 đến 01/05/2018 | Ngày nghiệm thu 05/07/2018<br>Đạt      |



|   |                                                                                           |    |                               |                           |                                   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 5 | Các tính chất hữu hạn của môđun đồng điều địa phương và đối đồng điều địa phương suy rộng | CN | 101.04-2018.304, cấp Nhà nước | 01/04/2019 đến 01/04/2021 | Ngày nghiệm thu 27/05/2021<br>Đạt |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                              | Tên bài báo/báo cáo KH                      | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)  | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|--------------------|
| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                             |            |                  |                                                 |                                                    |                                            |                |                    |
| 1                               | Local homology for linearly compact modules | 2          | Có               | Vietnam Journal of Mathematics                  | Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus<br><i>IF: 0.44</i> |                                            | 28, 1, 87-91   | 03/2000            |

|   |                                                                                       |   |    |                                                                                  |                                                                                         |  |                |         |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------|---|----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------|---------|
| 2 | The I-adic completion and local homology for artinian modules                         | 2 | Có | Mathematical Proceedings of the Cambridge Philosophical Society, ISSN: 0305-0041 | Tạp chí quốc tế uy tín có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCI<br><b>IF: 0.78</b> |  | 131, 61, 61-72 | 10/2001 |
| 3 | On the Co-localization, Co-support and Co-associated primes of local homology modules | 2 | Có | Vietnam Journal of Mathematics, ISSN: 2305-221X                                  | Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus<br><b>IF: 0.44</b>                                      |  | 29, 4, 359-368 | 12/2001 |
| 4 | The finiteness of associated primes of local homology modules                         | 1 | Có | Kodai Mathematical Journal, ISSN: 0386-5991                                      | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.2</b>                                            |  | 29, 3, 383-390 | 10/2006 |
| 5 | Co-support and Coartinian Modules                                                     | 1 | Có | Algebra Colloquium ISSN: 1005-3867                                               | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.35</b>                                           |  | 15, 1, 83-96   | 03/2008 |

|   |                                                                                                                  |   |    |                                                             |                                                                                      |  |                    |         |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------|---------|
| 6 | A Local homology theory for linearly compact modules                                                             | 2 | Có | Journal of Algebra, ISSN: 1056-3911                         | Tạp chí quốc tế uy tín có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao - SCI <b>IF: 1.15</b> |  | 319, 11, 4712-4737 | 06/2008 |
| 7 | On the finiteness of co-associated primes of local homology modules                                              | 2 | Có | Journal of Mathematics of Kyoto University, ISSN: 0023-608X | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.95</b>                                        |  | 48, 3, 521-527     | 09/2008 |
| 8 | A finiteness result for co-associated and associated primes of generalized local homology and cohomology modules | 1 | Có | Communications in Algebra, ISSN: 0092-7872                  | Tạp chí quốc tế uy tín - SCI <b>IF: 0.68</b>                                         |  | 37, 5, 1748-1757   | 05/2009 |

|                               |                                                                                           |   |    |                                                              |                                               |  |                           |         |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--|---------------------------|---------|
| 9                             | Left derived functors of the generalized I-adic completion and generalized local homology | 1 | Có | Communications in Algebra ISSN: 0092-7872                    | Tạp chí quốc tế uy tín - SCI <b>IF: 0.68</b>  |  | 38, 2, 440-453            | 02/2010 |
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                                                           |   |    |                                                              |                                               |  |                           |         |
| 10                            | Generalized local homology for artinian modules                                           | 1 | Có | Algebra Colloquium ISSN: 1005-3867                           | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.35</b> |  | 19, Special 1, 1205-1212  | 12/2012 |
| 11                            | Some properties of local homology and local cohomology modules                            | 1 | Có | Studia Scientiarum Mathematicarum Hungarica, ISSN: 0081-6906 | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.31</b> |  | 50, 1, 129-141            | 03/2013 |
| 12                            | On the non-vanishing and the artinianness of generalized local cohomology modules         | 1 | Có | Journal of Algebra and Its Applications, ISSN: 0219-4988     | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.64</b> |  | 12, 4, 1250203-1-250203-7 | 06/2013 |

|    |                                                                                         |   |    |                                                                   |                                                      |  |                  |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--|------------------|---------|
| 13 | The top left derived functors of the generalized I-adic completion                      | 1 | Có | Bulletin of the Australian Mathematical Society, ISSN: 0004-9727  | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF:</b> <b>0.48</b> |  | 88, 2, 259-266   | 10/2013 |
| 14 | Some properties of generalized local homology and cohomology modules                    | 2 | Có | Bulletin of the Korean Mathematical Society, ISSN: 1015-8634      | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF:</b> <b>0.3</b>  |  | 50, 6, 2013-2020 | 11/2013 |
| 15 | Generalized ideal transform                                                             | 2 | Có | Studia Scientiarum Mathematicarum Hungarica, ISSN: 0081-6906      | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF:</b> <b>0.31</b> |  | 51, 1, 67-82     | 03/2014 |
| 16 | Some properties of generalized local cohomology modules with respect to a pair of ideal | 3 | Có | International Journal of Algebra and Computation, ISSN: 0218-1967 | Tạp chí quốc tế uy tín - SCI <b>IF:</b> <b>0.77</b>  |  | 24, 7, 1043-1054 | 11/2014 |

|    |                                                                                                |   |       |                                                      |                                               |  |                              |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--|------------------------------|---------|
| 17 | On the polynomial property of a function of certain systems of parameters for artinian modules | 3 | Không | Kyushu Journal of Mathematics ISSN: 1340-6116        | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.32</b> |  | 68, 2, 239-248               | 11/2014 |
| 18 | The Finiteness of Coassociated Primes of Generalized Local Homology Modules                    | 2 | Có    | Mathematical Notes, ISSN: 0001-4346                  | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.72</b> |  | 95, 5, 738-744               | 06/2015 |
| 19 | Minimax modules, local homology and local cohomology                                           | 1 | Có    | International Journal of Mathematics ISSN: 0129-167X | Tạp chí quốc tế uy tín - SCI <b>IF: 0.82</b>  |  | 26, 12, 1550102-1 - 1550102- | 11/2015 |
| 20 | Some results on local cohomology modules with respect to a pair of ideals                      | 2 | Có    | Taiwanese Journal of Mathematics, ISSN: 1027-5487    | Tạp chí quốc tế uy tín - SCI <b>IF: 0.53</b>  |  | 20, 4, 743-753               | 08/2016 |

|    |                                                                                                                   |   |    |                                                                   |                                                 |  |                  |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--|------------------|---------|
| 21 | Serre subcategories and the cofiniteness of generalized local cohomology modules with respect to a pair of ideals | 2 | Có | International Journal of Algebra and Computation, ISSN: 0218-1967 | Tạp chí quốc tế uy tín - SCI <b>IF: 0.77</b>    |  | 26, 6, 1267-1282 | 09/2016 |
| 22 | Ideal transforms with respect to a pair of ideals                                                                 | 2 | Có | Acta Mathematica Vietnamica, ISSN: 0251-4184                      | Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus <b>IF: 0.38</b> |  | 42, 4, 701-715   | 05/2017 |
| 23 | On coatomic modules and local cohomology modules with respect to a pair of ideals                                 | 2 | Có | Journal of the Korean Mathematical Society, ISSN: 0304-9914       | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <b>IF: 0.4</b>    |  | 54, 6, 1829-1839 | 11/2017 |
| 24 | On the finiteness results of generalized local cohomology modules with respect to a pair of ideals                | 2 | Có | Taiwanese Journal of Mathematics, ISSN: 1027-5487                 | Tạp chí quốc tế uy tín - SCI <b>IF: 0.53</b>    |  | 22, 1, 39-53     | 02/2018 |

|    |                                                                                                                                     |   |    |                                                                               |                                                                                                              |  |                         |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------|---------|
| 25 | Generalized<br>Local<br>Homology<br>and Duality                                                                                     | 2 | Có | International<br>Journal of Algebra<br>and Computation,<br>ISSN: 0218-1967    | Tạp chí<br>quốc tế<br>uy tín -<br>SCI <b>IF:</b><br><b>0.77</b>                                              |  | 29, 3,<br>581-601       | 05/2019 |
| 26 | Top formal<br>local<br>cohomology<br>module                                                                                         | 3 | Có | Periodica<br>Mathematica<br>Hungarica, ISSN:<br>0031-5303                     | Tạp chí<br>quốc tế<br>uy tín -<br>SCIE <b>IF:</b><br><b>0.46</b>                                             |  | 79, 1, 1-<br>11         | 09/2019 |
| 27 | Some<br>finiteness<br>results for co-<br>associated<br>primes of<br>generalized<br>local<br>homology<br>modules and<br>applications | 3 | Có | Journal of the<br>Korean<br>Mathematical<br>Society, ISSN:<br>0304-9914       | Tạp chí<br>quốc tế<br>uy tín -<br>SCIE <b>IF:</b><br><b>0.4</b>                                              |  | 57, 5,<br>1061-<br>1078 | 09/2020 |
| 28 | Cohomological<br>dimensions<br>of<br>specialization-<br>closed<br>subsets and<br>subcategories<br>of modules                        | 5 | Có | Proceedings of the<br>American<br>Mathematical<br>Society, ISSN:<br>0002-9939 | Tạp chí<br>quốc tế<br>uy tín có<br>hệ số<br>trích dẫn<br>cao và có<br>uy tín<br>cao - SCI<br><b>IF: 0.97</b> |  | 149, 2,<br>481-<br>496  | 02/2021 |
| 29 | Formal local<br>homology                                                                                                            | 3 | Có | Colloquium<br>Mathematicum,<br>ISSN: 0010-1354                                | Tạp chí<br>quốc tế<br>uy tín -<br>SCIE <b>IF:</b><br><b>0.32</b>                                             |  | 163, 2,<br>267-<br>284  | 03/2021 |



|    |                                                                                      |   |    |                                                                                                                |                                                         |  |                     |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|---|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--|---------------------|---------|
| 30 | Some results on formal local cohomology                                              | 4 | Có | Journal of Algebra and Its Applications, ISSN: 0219-4988, ISSN(online): 1793-6829 (Published online: 4/5/2021) | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF</i> : <b>0.64</b>   |  | 2250149-1-2250149-1 | 05/2021 |
| 31 | Some properties of local cohomology modules defined by a pair of ideals              | 3 | Có | Mathematical Notes, ISSN: 0001-4346                                                                            | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF</i> : <b>0.72</b>   |  | 110, 1, 100-109     | 07/2021 |
| 32 | On Minimax Modules and Generalized Local Cohomology with Respect to a Pair of Ideals | 3 | Có | Acta Mathematica Vietnamica ISSN: 0251-4184                                                                    | Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus <i>IF</i> : <b>0.38</b> |  | 46, 3, 457-470      | 09/2021 |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 22 ( [10] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [18] [19] [20] [21] [22] [23] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [30] [31] [32] )

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| Không có |                        |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT       | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----------|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| Không có |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT       | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| Không có |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng     | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế            | Ghi Chú            |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|
| 1  | Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ                       | Tham gia                       | Văn bản xác nhận thành viên tham gia         | Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh | Số: 2926/QĐ-ĐHSP, ngày 29/12/2014          | Đã đưa vào sử dụng |
| 2  | Chương trình giáo dục Đại học                               | Tham gia                       | Văn bản xác nhận thành viên tham gia         | Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh | Số: 2330/ĐHSP-ĐT, ngày 31 tháng 8 năm 2018 | Đã đưa vào sử dụng |

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

***Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.***

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm  
2021

Người đăng ký  
(Ký và ghi rõ họ tên)